TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Hồng Thạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Công Gia và bà Hoàng Thị Bích Ngọc.**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Lý Thị Chuyên** – T ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: **Ông Phạm Hữu Huỳnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 04/9/2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim K**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Ấp PL5, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN.

2- Bị đơn: Anh **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Ấp PL5, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa (chị K có đơn xin xét xử vắng; anh T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2020 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn chị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị K và anh T tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PS, huyện TP. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, thường xảy ra cãi vã, xung đột. Cụ thể, anh T không quan tâm chăm sóc cho gia đình, thường hay sử dụng rượu bia, mỗi khi chị góp ý thì lại đập phá đồ dùng trong gia đình. Từ tháng 7/2019 cho đến nay vợ chồng đã không còn thường xuyên sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai. Tháng 8/2019 chị nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, sau đó chị rút đơn để tạo điều kiện cho vợ chồng về đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng chỉ về sống với nhau được 10 ngày trong dịp tết Âm lịch. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Kim T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 (hai) con chung Nguyễn K, sinh ngày 18/8/2011 và Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 05/6/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và đồng ý giao cháu Nguyễn K cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai các ngày 16/4/2020; 08/6/2020 bị đơn anh Nguyễn Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thừa nhận vợ chồng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Đời sống hôn nhân của vợ chồng anh hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế của gia đình, bản thân anh có sử dụng rượu bia, khi chị K góp ý thì anh có nóng giận và có đập đồ dùng trong nhà. Từ tháng 7/2019, chị K bỏ nhà đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, trong suốt thời gian này vợ chồng không còn sống chung, không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Anh có nghe nói lại chị K có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, tuy nhiên anh không có tài liệu chứng cứ gì. Anh nhận thấy hiện nay các con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh và chị K có hai con chung là Nguyễn K, sinh ngày 18/8/2011 và Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 05/6/2018. Trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý giao cháu T cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện nay cháu T còn nhỏ, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân của chị K (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy chứng minh nhân dân của anh T (bản sao); Giấy khai sinh của các con là Nguyễn K và Nguyễn Thị Minh T (bản sao); Quyết định đình chỉ vụ án; lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai của bị đơn; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự; Biên bản ghi nguyện vọng của con chung.

Tòa án đã triệu tập phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được công khai. Bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tống đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 85, 91, 92, 93 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị cho chị K ly hôn với anh T; giao cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 05/6/2018 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn K cho anh T nuôi dưỡng, tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Chị K, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Chị K, anh T khai không có, nên không xem xét; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Anh T có nơi cư trú tại xã PS, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Chị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải, hàn gắn là có thật. Từ tháng 07/2019 vợ chồng không sống chung với nhau. Đến tháng 08/2019 chị K nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T, sau đó chị rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ sống chung. Tuy

nhiên, thực tế vợ chồng chỉ về sống với nhau được 10 ngày trong dịp tết Âm lịch năm 2020 và sau đó thì không còn sống chung cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau.

Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu đã được Tòa án xác minh, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị K, anh T thừa nhận có 02 (hai) con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 18/8/2011 và Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 05/6/2018. Chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chấp nhận giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng. Anh T cũng đồng ý với ý kiến của chị K về việc nuôi con. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K và thực tế hiện nay cháu K do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, hiện nay cháu T dưới 36 tháng tuổi, việc giao cháu cho mẹ nuôi là phù hợp quy định của pháp luật. Để không xáo trộn cuộc sống của con trẻ, cần tiếp tục giao con chung cháu T cho chị K nuôi dưỡng, giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng theo như yêu cầu của các bên là phù hợp. Tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3.] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim K.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim K được ly hôn với anh Nguyễn Kim T.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn K, sinh ngày 18/8/2011 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 05/6/2018 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị K đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 005599 ngày 16/3/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Chị K đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Sơn (Đăng ký kết hôn số 24, ngày 12/5/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Thạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**